TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026; giữa:

* *Nguyên đơn*: chị Hà Thị H, sinh năm 1994;

Căn cước công dân: 038194030684;

Địa chỉ: thôn D, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn*: anh Trần Văn T, sinh năm 1994;

Căn cước công dân: 038094007203;

Địa chỉ: thôn D, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: nguyên đơn, chị Hà Thị H và bị đơn, anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân:* chị Hà Thị H và anh Trần Văn T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, thuận tình ly hôn.

***** *Về con chung:* chị Hà Thị H và anh Trần Văn T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Trần Hà A (giới tính; Nữ), sinh ngày 09/4/2020; hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T đều có ý kiến chung thống nhất: giao cháu Trần Hà A cho chị Hà Thị H (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Trần Hà A thành niên (đủ 18 tuổi); anh Trần Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Chị Hà Thị H và anh Trần Văn T Anh đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

***** *Về tài sản, công nợ chung và các nghĩa vụ khác*: chị Hà Thị H và anh Trần Văn T Anh đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

***** *Về án phí:* chị Hà Thị H và anh Trần Văn T đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; chị Hà Thị H chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*); nhưng chị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ký hiệu BLTU/26E, số 0002733, ngày 09/4/2026; trả lại cho chị Hà Thị H 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí.

Anh Trần Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV7, tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn